

QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PGS, TS NGUYỄN HOÀNG GIÁP*

Là một nước đang phát triển lựa chọn định hướng XHCN, bước vào thời kỳ đổi mới Việt Nam phải đối mặt với tình trạng khủng hoảng kinh tế kéo dài và cuộc bao vây cấm vận của các thế lực thù địch. Sau những đảo lộn chính trị ở Đông Âu và Liên Xô, nước ta càng gặp phải những khó khăn gay gắt hơn trên nhiều mặt. Trước tình hình đó, Đảng ta ngày càng nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn ca thời cơ và thách thức đối với sự phát triển đất nước trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và toàn cầu hoá. Để tiếp tục sự nghiệp đổi mới theo mục tiêu đã lựa chọn, Đảng xác định phải kiên trì đường lối chiến lược là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy cao độ nội lực, khai thác tối đa các nguồn lực bên ngoài. Do đó, đối với nước ta quá trình mở rộng quan hệ đối ngoại để hội nhập với khu vực và thế giới, trước hết là trên



Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh hội đàm với Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Hồ Cẩm Đào tại Bắc Kinh, Trung Quốc, ngày 30 - 5 - 2008.

lĩnh vực kinh tế, trở thành một yêu cầu mang tính tất yếu.

Chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng được bổ sung, hoàn thiện và phát triển. Từ quan điểm của Đại hội VI là muốn phát triển kinh tế phải tham gia vào phân công lao động quốc tế, đến Đại hội VII Đảng nêu chủ trương: “Mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi”¹. Tiếp đó, các chi thị, nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành

* Học viện CT-HC Quốc gia Hồ Chí Minh

Trung ương Khóa VII nhấn mạnh quan điểm mở rộng quan hệ và tham gia các tổ chức, định chế tài chính, tiền tệ, kinh tế, thương mại khu vực và quốc tế, như IMF, WB, ADB, AFTA, WTO, APEC... Đại hội VIII xác định chủ trương "xây dựng nền kinh tế mới", "đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới". Đại hội IX đánh dấu mốc phát triển mới về hội nhập kinh tế quốc tế với chủ trương "chủ động hội nhập kinh tế quốc tế". Nhằm cụ thể hoá chủ trương này, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 07-NQ/TW (27-11-2001) xác định rõ hơn mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nội dung và nhiệm vụ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

Kế thừa tư tưởng chỉ đạo về đối ngoại do Đại hội VII, VIII và IX nêu ra, Đại hội X bổ sung và nhấn mạnh quan điểm: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình và hợp tác phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực"². Quán triệt sâu sắc quan điểm này trước hết là nhằm bảo vệ những lợi ích căn bản của đất nước ta trong quá trình mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, đó là độc lập dân tộc, hoà bình, phát triển bền vững theo định hướng XHCN; tranh thủ được điều kiện quốc tế thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc tiếp tục khẳng định thực hiện nhất quán chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế còn góp phần củng cố hơn nữa lòng tin cho các đối tác nước

ngoài khi thiết lập quan hệ và triển khai hợp tác với nước ta trong mọi lĩnh vực.

Trên cơ sở thế và lực mới của đất nước được tạo lập qua 20 năm đổi mới, tư tưởng chỉ đạo đối ngoại của Đại hội X không chỉ nhấn mạnh tính *chủ động*, mà cả tính *tích cực* của nước ta trong hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng cũng như trong việc tham gia vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực nói chung, từ đây có thể đóng vai trò là thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, hợp tác và phát triển. Trong tình hình mới, Đảng ta đặc biệt quan tâm việc bổ sung, làm rõ thêm quan điểm, chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế. Tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội X đã nêu 5 bài học lớn, trong đó bài học thứ 3 là bài học về hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Hội nhập kinh tế quốc tế được xác định là yêu cầu khách quan, do đó phải chủ động, có lộ trình với bước đi tích cực, vững chắc, không do dự chần chừ, nhưng cũng không nóng vội, giản đơn...

Quan điểm *chủ động* hội nhập kinh tế quốc tế trước hết là hoàn toàn chủ động quyết định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung, chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng. Chủ động hội nhập nghĩa là phải nắm vững quy luật, tính tất yếu của sự vận động kinh tế toàn cầu, phát huy đầy đủ năng lực nội sinh, xác định lộ trình, nội dung, quy mô, bước đi phù hợp, đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ kinh tế quốc tế. Chủ động còn bao hàm sự sáng tạo, lựa chọn phương thức hành động đúng, dự báo được những tình huống trong hội nhập. Quan điểm *tích cực* hội nhập kinh tế quốc tế là khẩn trương chuẩn bị, điều chỉnh, đổi mới bên trong từ phương thức lãnh đạo, quản lý đến hoạt động thực tiễn, từ Trung ương đến địa phương, doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế

quan lý, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật... Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế còn là không duy trì quá lâu các chính sách bảo hộ của Nhà nước, khắc phục nhanh tình trạng trông chờ, ỷ lại sự bao cấp của Nhà nước; tích cực hội nhập nhưng phải thận trọng, vững chắc.

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay và những năm tới đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, *lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất*. Hội nhập kinh tế quốc tế đối với nước ta phải trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường.

Để tiếp tục mở rộng và tăng cường hiệu quả hội nhập quốc tế, Đảng ta chủ trương "đưa các mối quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, đồng thời phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế".³ Đồng nhiên, việc quán triệt thực hiện chủ trương này phải dựa trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đối ngoại được xác định là: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hoà bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Đây là sự cụ thể hoá nguyên tắc bao trùm, xuyên suốt đường lối đối ngoại đổi mới là giữ vững hoà bình, độc lập, thống nhất và CNXH, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt trong xử lý các tình huống phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, vị trí của nước ta cũng như diễn

biến của tình hình quốc tế, phù hợp với đặc điểm của từng đối tác mà nước ta có quan hệ, trong bất kỳ tình huống nào cũng tránh không để rơi vào thế đối đầu, cô lập hay lệ thuộc, cùng cố hoà bình, an ninh, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta nhấn mạnh *nhiệm vụ ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế là ưu tiên hàng đầu* của hoạt động đối ngoại. Do đó, một mặt cần đặc biệt coi trọng kết hợp chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại trong quan hệ với các nước để thúc đẩy hợp tác phát triển kinh tế; mặt khác chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp, chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương.

Đối với quá trình hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước ta chú trọng những hướng hoạt động đối ngoại như tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước lớn; thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương; phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược. Cùng cố quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ trên thế giới. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền. Phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả", tích cực tham gia các diễn đàn và hoạt động của nhân dân thế giới. Tăng cường vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công tác văn hoá - thông tin đối ngoại, góp phần tăng cường sự hợp tác, tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước. Một điểm mới đáng chú ý trong quá trình hội nhập quốc tế là, lần đầu tiên trong văn kiện Đại hội X Đảng ta ghi rõ nhiệm vụ cần chú

động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người, sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Song, đồng thời Đảng cũng khẳng định rõ việc kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” hòng can thiệp vào công việc nội bộ, làm mất an ninh và ổn định chính trị của nước ta.

Triển khai đường lối, chính sách của Đảng về mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế, trong những năm qua nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và an ninh quốc gia, nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Trong *quan hệ song phương*, nước ta đã củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác toàn diện với các nước láng giềng. Quan hệ đặc biệt Việt - Lào tiếp tục có nhiều bước phát triển mới. Việt Nam triển khai hợp tác một cách toàn diện, giúp bạn phát triển kinh tế-xã hội với hàng loạt các hạng mục kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục-đào tạo.... Hợp tác ngày càng tiên tiến theo hướng thực chất hơn, phát huy thế mạnh và tiềm năng của mỗi nước, bình đẳng, cùng có lợi, dành sự ưu tiên ưu đãi hợp lý cho nhau, phù hợp với tính chất của quan hệ đặc biệt giữa hai nước. Hiện nay, Việt Nam là một trong những đối tác kinh tế hàng đầu của Lào với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 1 tỷ USD, kim ngạch thương mại đạt trên 200 triệu USD.

Quan hệ Việt Nam - Campuchia được thúc đẩy trên cơ sở phương châm chi đạo “Hợp tác láng giềng tốt đẹp, đoàn kết hữu nghị truyền thống, ổn định lâu dài”. Hai nước đã ký nhiều hiệp định hợp tác trong các lĩnh vực, trong đó đáng chú ý nhất và quan trọng nhất là việc Campuchia cam kết công nhận và tôn trọng các

hiệp ước, hiệp định biên giới đã ký với Việt Nam những năm 80. Hợp tác kinh tế tiến triển thuận lợi, đến 8-2008 kim ngạch thương mại hai chiều đã đạt gần 1,3 tỷ USD và hai nước đang phấn đấu hướng tới mục tiêu đạt 2 tỷ USD vào năm 2010.

Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc phát triển nhanh và toàn diện, được chính thức xác định với 16 chữ: “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”, tiếp đó được bổ sung thêm tinh thần 4 tốt: “Láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt” và gần đây là “Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”. Hai bên có nhận thức chung rộng rãi, chia sẻ sự tương đồng quan điểm đối với nhiều vấn đề quốc tế và khu vực. Hợp tác kinh tế, thương mại Việt - Trung tăng trưởng nhanh, hiện mậu dịch hai chiều đã vượt 20 tỷ USD. Việc hai nước ký hiệp ước về biên giới trên đất liền, các hiệp định về phân định Vịnh Bắc Bộ và hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ tạo điều kiện thuận lợi xây dựng biên giới hai nước thành đường biên giới hòa bình, ổn định lâu dài để phát triển.

Nhận thức rõ vị trí của ASEAN, tầm quan trọng của hoà bình, ổn định và hội nhập khu vực, từ sau khi gia nhập ASEAN, Việt Nam đã ngày càng tham gia tích cực và đầy đủ vào mọi hoạt động của ASEAN. Qua đó, Việt Nam có nhiều đóng góp quan trọng trên các lĩnh vực hợp tác chính của ASEAN, góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc để ASEAN đi đến quyết định lịch sử là tăng cường liên kết tiến tới xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Các nước ASEAN hiện có gần 1 nghìn dự án đầu tư đang triển khai ở Việt Nam, với số vốn đầu tư trên 13 tỉ USD. Việt Nam cũng có trên 120 dự án đang triển khai ở các nước thành viên ASEAN với tổng vốn gần 700 triệu USD. Mặt khác, Việt Nam còn tham gia

với tinh thần trách nhiệm vào các cơ chế hợp tác đa phương của ASEAN với các đối tác bên ngoài như: ASEAN+1, ASEAN+3, Hợp tác Á - Âu (ASI M), Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á...

Bên cạnh sự phát triển quan hệ với các nước láng giềng và khu vực, Việt Nam năng động cải thiện quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn và các tổ chức quốc tế trong quá trình hội nhập.

Quan hệ Việt- Mỹ được bình thường hoá có ý nghĩa chiến lược đối với yêu cầu an ninh và phát triển của nước ta, tác động mạnh đến quan hệ của Việt Nam với tất cả các nước khác, nhất là các nước phương Tây. Hai nước đã ký Hiệp định thương mại năm 2000 và năm 2006, chính quyền Mỹ chính thức ban hành đạo luật về thiết lập Quy chế quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) với Việt Nam, đánh dấu việc bình thường hóa hoàn toàn quan hệ song phương giữa hai nước, tạo thuận lợi cho Việt Nam gia nhập WTO. Năm 2007, kim ngạch mậu dịch hai chiều vượt 12 tỉ USD, hiện Mỹ xếp thứ 7 trong số 80 nước, vùng lãnh thổ có đầu tư ở Việt Nam và đang là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam.

Đối với Liên bang Nga, Việt Nam đã chủ động đề ra những biện pháp nhằm duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực, kể cả an ninh quốc phòng. Hai nước đã xác lập mối quan hệ đối tác chiến lược (2001), cùng với một loạt các hiệp định về hợp tác kinh tế - thương mại, khoa học kỹ thuật, đầu tư, khuyến khích và bảo hộ đầu tư, tổ hợp công nông nghiệp. Gần đây, kim ngạch buôn bán giữa hai nước và đầu tư của Nga vào Việt Nam có chiều hướng tăng, hiện kim ngạch mậu dịch đã vượt 1,5 tỉ USD.

Bên cạnh quan hệ chính trị tốt đẹp, hợp tác về kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật, an ninh quốc phòng giữa Việt Nam và Ấn Độ có bước phát triển thể hiện sự tin cậy lẫn nhau. Hai nước

ký Tuyên bố chung về Đối tác chiến lược mới (7-2007). Từ năm 2007, Ấn Độ đã lọt vào nhóm 10 nước có vốn đầu tư lớn nhất ở Việt Nam, đồng thời Việt Nam cũng trở thành nước tiếp nhận FDI lớn nhất từ Ấn Độ ở Đông Nam Á.

Việt Nam tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác nhiều mặt với Nhật Bản, nhất là trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển, văn hóa, du lịch, chuyên giao công nghệ. Hiện nay Nhật Bản là bạn hàng lớn nhất, là nước cung cấp viện trợ phát triển nhiều nhất và đầu tư lớn ở Việt Nam. Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản hiện vẫn năng động tiến vững trên đường hướng tới đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á.

Với Liên minh châu Âu (EU), Việt Nam đã ký với hầu hết các nước EU Hiệp định khung về hợp tác. Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, Hiệp định tránh đánh thuế hai lần... tạo cơ sở pháp lý cho xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác ổn định, lâu dài. Phát triển quan hệ song phương đã góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác Việt Nam - EU. Việt Nam đang tích cực thực hiện "Đề án tổng thể về quan hệ Việt Nam - EU đến năm 2010 và định hướng đến 2015" được đưa ra từ 6-2005.

Hội nhập kinh tế quốc tế là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu trong quá trình hội nhập quốc tế của nước ta. Chúng ta thực sự bắt đầu triển khai mạnh việc tham gia hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế từ khi gia nhập ASEAN và các định chế kinh tế, tài chính thương mại của ASEAN như: Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Khu vực đầu tư ASEAN (AIA); ký Hiệp định khung với EU (1995); tham gia Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) năm 1996, Diễn đàn APEC năm 1998; ký Hiệp định Thương mại với Hoa Kỳ (2000) dựa trên những nguyên tắc cơ

ban của WTO và cuối năm 2006 đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO.

Nhìn tổng quát, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta đã xúc tiến với bước đi khá vững chắc và đạt được kết quả bước đầu rất đáng khích lệ. Trước hết, Việt Nam đã mở rộng quan hệ kinh tế với hàng loạt quốc gia và khu vực, trở thành thành viên của các tổ chức kinh tế, thương mại chủ chốt, tạo điều kiện thuận lợi cho Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng hiệu quả hơn.

Việt Nam đã khắc phục được tình trạng khủng hoảng thị trường do các đối tác truyền thống ở Liên Xô và các nước Đông Âu bị thu hẹp đột ngột, và do tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực bắt đầu từ năm 1997. Một thành tựu nổi bật là đã thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài khá lớn, trước hết là FDI. Đến tháng 10-2008, Việt Nam có quan hệ ngoại giao chính thức với 174 nước, có quan hệ thương mại với hơn 200 nước và vùng lãnh thổ, thu hút được hơn 8 nghìn dự án FDI từ 80 nước và vùng lãnh thổ với tổng số vốn đăng ký hơn 100 tỷ USD. Nhiều nhà đầu tư lớn, các tập đoàn xuyên quốc gia đã và đang đặc biệt quan tâm đến Việt Nam. Tại các Hội nghị tư vấn tài trợ cho Việt Nam, tổng cam kết tài trợ liên tục tăng với các kỳ lục mới, năm 2006 đạt hơn 4,4 tỷ USD, năm 2007 đạt 5,42 tỷ USD. Đây là sự thể hiện niềm tin và sự tin nhiệm của cộng đồng tài trợ quốc tế đối với Việt Nam, đồng thời phản ánh quyết tâm cao độ của Việt Nam trên đường cải cách, phát triển. Sau 2 năm chính thức gia nhập WTO, theo đánh giá của Diễn đàn thương mại Liên hiệp quốc, Việt Nam đã vươn lên thành một trong 10 nền kinh tế có triển vọng thu hút đầu tư nhất trên thế giới. Bên cạnh các thị trường chủ lực là Nhật Bản, ASEAN, Trung Quốc,

Hàn Quốc, EU, Hoa Kỳ, Ôxtrâyliya, hàng hóa Việt Nam đã vươn ra cùng cố thể đứng trên nhiều thị trường khác như Nga, Trung Đông, Mỹ Latinh và châu Phi...

Hoạt động ngoại giao đa phương có bước trưởng thành rõ rệt. Tại các diễn đàn quốc tế và khu vực như Liên hợp quốc, Phong trào Không liên kết, ASEAN, ARF, ASEM, Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp..., Việt Nam đã phối hợp với nhiều nước, trước hết là các nước đang phát triển đấu tranh bảo vệ hòa bình, bảo vệ các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Việt Nam đã được bầu vào Hội đồng chấp hành Tổ chức Kinh tế - Xã hội, trở thành ủy viên hội đồng điều hành của nhiều tổ chức quan trọng trực thuộc Liên hợp quốc như UNDP, UNFPA, UNICEF, Ủy ban giải trừ quân bị. Đặc biệt, thành tựu ấn tượng nhất trên lĩnh vực ngoại giao đa phương là việc Việt Nam được bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009 với số phiếu áp đảo, đánh dấu quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam đã trở nên sâu rộng. Nếu việc tham gia Tổ chức thương mại thế giới (WTO) mở đầu sự hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế quốc tế, thì khi trở thành thành viên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Việt Nam đã bắt đầu hội nhập đầy đủ vào đời sống chính trị quốc tế. Với vị thế và trọng trách này, Việt Nam không chỉ vươn lên tầm cao trong quan hệ đối ngoại, mà còn sẽ có tiếng nói quan trọng tại Liên hợp quốc - diễn đàn quốc tế đa phương lớn nhất trên hành tinh. Thông qua đó, Việt Nam có điều kiện thuận lợi tham gia giải quyết những vấn đề chính trị - xã hội, an ninh quốc tế có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp, đồng thời đóng góp tích cực hơn và nhiều hơn trong nỗ lực duy trì hòa bình, ổn định và phát triển trên thế giới.

Những thành tựu to lớn mà nước ta đạt được trong hội nhập quốc tế, trước hết trên lĩnh vực kinh tế, là kết quả của cả một quá trình thực hiện nhất quán đường lối, chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa với chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng với khu vực và thế giới. Những thành tựu đó đã tạo thêm niềm tin để nước ta càng vững bước trên đường hội nhập, tận dụng tốt nhất những cơ hội mới đang mở ra.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá mở ra khả năng cho nước ta, nhất là khi đã là thành viên chính thức WTO, tham gia nhanh và hiệu quả vào hệ thống phân công lao động quốc tế, tận dụng mọi nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển. Do vậy, chúng ta có cơ hội thuận lợi đẩy nhanh quá trình điều chỉnh cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và rút ngắn thời gian vật chất của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Dương nhiên, tiến trình hội nhập quốc tế của nước ta hiện nay không chỉ có thời cơ và thuận lợi, mà còn phải đối diện với nhiều thách thức lớn. Do đó, điều quan trọng là chúng ta cần tỉnh táo, nhận thức rõ những thách thức phải đối mặt để từ đó tìm ra biện pháp khắc phục hữu hiệu.

Trước hết, thách thức lớn nhất và dễ nhận thấy nhất xuất phát từ chỗ nước ta là một nước đang phát triển có trình độ kinh tế thấp, quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém và bất cập, doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân còn nhỏ bé, sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ nói riêng và của toàn bộ nền kinh tế nói chung còn nhiều hạn chế, hệ thống chính sách kinh tế, thương mại chưa hoàn chỉnh... Cho nên, nước ta sẽ gặp khó khăn lớn trong cạnh tranh cả ở trong nước cả trên trường quốc tế, cạnh tranh sẽ diễn ra gay gắt hơn, với nhiều đối thủ hơn, trên bình diện sâu hơn, rộng hơn.

Thứ hai, trong quá trình hội nhập quốc tế, cũng như các nước đang phát triển khác, nước ta phải chịu sự ràng buộc của các quy tắc kinh tế, thương mại, tài chính - tiền tệ, đầu tư... chủ yếu do các nước phát triển áp đặt: phải chịu sức ép cạnh tranh bất bình đẳng và sự điều tiết vĩ mô bất hợp lý của các nước phát triển hàng đầu.

Thứ ba, trên lĩnh vực xã hội, quá trình hội nhập quốc tế trong xu thế toàn cầu hoá đặt ra một thách thức nan giải đối với nước ta trong việc thực hiện chủ trương tăng trưởng kinh tế đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trong tình hình như đã nêu, cơ cấu xã hội có thể biến động phức tạp và khó lường, làm cho sự phân tầng, phân hoá xã hội cũng trở thành yếu tố tiêu cực đối với bản thân sự phát triển của đất nước.

Thứ tư, hội nhập quốc tế đặt ra những vấn đề mới về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Về an ninh quốc gia, các nguy cơ đe dọa an ninh ngày càng phức tạp hơn, bên cạnh các hiểm họa mang tính truyền thống, đã xuất hiện các nguy cơ phi truyền thống (an ninh môi trường, dịch bệnh, khủng bố...). Về văn hoá, hội nhập quốc tế đặt nước ta trước nguy cơ bị các giá trị ngoại lai, nhất là các giá trị văn hoá phương Tây xâm nhập ồ ạt, làm tổn hại bản sắc văn hoá dân tộc.

Thứ năm, trên lĩnh vực chính trị, tiến trình hội nhập quốc tế ở nước ta cũng đang đối diện trước thách thức của một số nguy cơ đe dọa độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, sự lựa chọn định hướng chính trị, vai trò của nhà nước... Hội nhập quốc tế đối với nước ta rõ ràng không thể tách rời cuộc đấu tranh chống "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch trên nhiều lĩnh vực.

(Xem tiếp trang 68)

được điều này là do Đảng bộ tỉnh Nghệ An đã nhận thức đầy đủ, đúng đắn về vai trò, vị trí của báo chí trong sự nghiệp cách mạng. Các tờ báo, đã bám sát thực tiễn cách mạng, kiên định lập trường chính trị, lý tưởng cách mạng, ý thức đầy đủ về trách nhiệm chính trị và xã hội của mình.

Do nhu cầu cách mạng và điều kiện hoạt động bí mật, nên những tờ báo của Nghệ An lúc này còn đáng đáp của những tờ truyền đơn về hình thức và cách phát hành (rái, dấn, tuyên truyền...), dấu hiệu để phân biệt báo với truyền đơn là báo có tên và thời hạn kỳ xuất bản.

Do thực tiễn cách mạng đòi hỏi lúc đó, nên báo chí tập trung phản ánh chủ trương, đường lối của Đảng, nổi cùng khổ của dân dân lao động và các cuộc đấu tranh của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Kế thừa sự nghiệp báo chí cách mạng về vang của Đảng trong những năm 1930 - 1931, Đảng bộ tỉnh Nghệ An đã có cơ quan ngôn luận riêng và quan tâm lãnh đạo công tác báo chí. Báo chí Nghệ An phát triển mạnh mẽ, với hàng chục ấn phẩm báo chí các loại. Các tờ báo đã phản ánh phong phú, sinh động tình hình hoạt động Đảng bộ nhân dân trong tỉnh, trong nước và ca quốc tế về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... góp phần thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của quê hương Xô viết Anh hùng.

1. *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An tập 1 (1930 - 1954)*, CTQG, H, 1989, tr.32

2. *Lênin và vấn đề báo chí*, ST, H, 1970, tr. 82

3. *Một số văn kiện của Đảng Lao động Việt Nam về công tác báo chí*, tập 1 (1930 - 1945), Hội Nhà báo Việt Nam, H, 1970, tr.7

4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Nghệ An, Ký hiệu LV.57.

QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ...

(Tiếp theo trang 51)

Hội nhập quốc tế ở nước ta là một quá trình cơ hội và thách thức đan xen tồn tại dưới dạng tiềm năng và có thể chuyển hoá lẫn nhau. Cơ hội và thách thức chi trở thành hiện thực trong những điều kiện cụ thể, mà ở đó vai trò của nhân tố chủ quan có tính quyết định rất lớn, trước hết đó là hiệu quả hoạt động lãnh đạo của Đảng, sự điều hành quản lý của Nhà nước và tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết của toàn dân tộc. Thực tế đã chứng tỏ: kiên định nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế với chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, là sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu đối với nước ta trong bối cảnh toàn cầu hoá sôi động hiện nay. Những thành tựu quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế, trước hết là hội nhập kinh tế quốc tế là cơ sở để đất nước ta vững bước trên đường hội nhập và phát triển, sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển, công nghiệp hoá, hiện đại hoá thành công, hướng tới mục tiêu chiến lược "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, ST, H, 1991, tr. 119

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, CTQG, H, 2006, tr.112, 112.